

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ DẦU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST  
Ngày 04-01-2018  
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị An.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Nguyễn Tuyền

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Kim Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm: 1990, có mặt.

Địa chỉ: Ô4, KP TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là Luật sư Nguyễn Văn N – Văn phòng Luật Sư Nguyễn Văn N, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh TN, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1988, có mặt.

Địa chỉ: Ô7, KP TB B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN. Hiện đang chấp hành án tại: Đội 12, phân trại 2 - Trại giam CC, tỉnh TN.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Trần Văn Ph, sinh năm: 1960, vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị S, sinh năm: 1964, có mặt.

Cùng địa chỉ: Ô7, KP TB B, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-10-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Bùi Thị Kim N trình bày:*

*Về hôn nhân:* Chị và anh Trần Thanh T chung sống với nhau vào năm 2009,

có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ phạt, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD vào ngày 27-02-2010. Ngày phạt gia đình hai bên không cho nữ trang gì cả. Sau khi phạt, anh chị sống chung với cha mẹ ruột chị N tại Ô4, kp TB A, thị trấn GD, huyện GD. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T thường xuyên hút chích ma túy, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên anh T đi cai nghiện nhưng anh T không nghe. Năm 2014 anh T bị đưa đi cai nghiện, năm 2016 được về nhà nhưng vợ chồng không ở lại, do chị bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy vào đầu năm 2015 đến tháng 4-2017 chị mãn án trở về. Năm 2016 anh T lại tái nghiện và bị đưa đi lần hai. Thời gian cai nghiện thì anh T gây án, nên bị Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 04 năm tù, nên anh T đang chấp hành án tại Trại giam CC tỉnh TN. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trần Thanh Kim Y, sinh ngày 27-6-2010 và Trần Thanh P, sinh ngày 17-10-2013, hiện chị đang nuôi cháu Y từ tháng 4-2017, còn cháu P đang sống với ông bà nội là ông Ph, bà S. Nay chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có, nên không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ ai, nên không yêu cầu giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-10-2017 và trong quá trình xét xử bị đơn anh Trần Thanh T trình bày:*

*Về hôn nhân:* Anh chị sống chung nhau vào năm 2009, có làm đám phạt, có cho vàng nhưng vợ chồng đã bán tiêu xài hết, có đăng ký kết hôn tại thị trấn GD, cưới xong vợ chồng sống chung bên vợ. Vào tháng 4-2014, do anh sử dụng ma túy nên bị đưa đi cai nghiện tại K48 thuộc huyện TC, tỉnh TN, đến tháng 4-2016 anh ra trại về sống với cha mẹ ruột, vợ chồng cũng không ở lại, do vợ bị bắt về tội mua bán ma túy vào đầu năm 2015, đến tháng 4-2017 mãn án tù về. Tháng 10-2016 anh tiếp tục sử dụng ma túy bị bắt, nên bị đưa đi cai nghiện lần hai, thời gian cai nghiện vào tháng 01-2017 anh gây rối trật tự trong trại nên bị Tòa án huyện TC xử phạt 04 năm tù, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN. Thời gian anh cai nghiện năm 2014 vợ có lên thăm và ngủ lại với anh, từ tháng 12-2014 đến nay thỉnh thoảng vợ có lên thăm nhưng không ngủ lại với anh nữa. Vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ tháng 12-2014. Nay anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N, anh yêu cầu đoàn tụ để vợ chồng cùng chung sống nuôi con. Tại tòa anh đồng ý ly hôn.

*Về con chung:* Có 02 người con chung như chị N trình bày là đúng. Nếu Tòa án cho ly hôn thì anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục 02 con, tạm thời giao cho cha mẹ anh nuôi, khi nào về thì anh sẽ nuôi con. Tại tòa anh yêu cầu được nuôi cháu P giao vợ nuôi cháu Y.

*Về tài sản chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có nên không yêu cầu giải quyết.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S trình bày:* bà là mẹ ruột của T, mẹ chồng của N. T, N có 02 con chung là cháu Trần Thanh Kim Y, sinh ngày 27-6-2010 và Trần Thanh P, sinh ngày 17-10-2013, hiện N đang nuôi cháu Y từ tháng 8-2017, còn cháu P đang sống với ông bà từ khi cháu 03 tháng tuổi đến nay. Do tháng 4-2014, T sử dụng ma túy nên bị đưa đi cai nghiện tại K48 thuộc huyện TC, tỉnh TN, đến tháng 4-2016 ra trại về sống với vợ chồng bà, do N bị bắt về tội mua bán ma túy vào đầu năm 2015, đến tháng 4-2017 mãn án tù về. Năm 2016 T tiếp tục sử dụng ma túy bị bắt, nên bị đưa đi cai nghiện lần hai, thời gian cai nghiện vào tháng 01-2017 T gây rối trật tự trong trại nên bị Tòa án huyện TC xử phạt 04 năm tù, hiện T đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN. Nay N yêu cầu nuôi hết 02 con bà không đồng ý giao cháu P cho N nuôi, do N không biết cách chăm sóc con và N có lý lịch xấu.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Ph trình bày:* vợ chồng ông nuôi cháu P là con của N, T từ khi cháu 03 tháng tuổi đến nay. Nay N xin ly hôn với T và yêu cầu nuôi cháu P, ông không đồng ý giao cháu P cho N nuôi, lý do: N mua bán ma túy bị bắt phạt tù, ông không muốn cháu đi theo chiếc xe đõ, vi phạm pháp luật như N. Tạm thời T đang chấp hành án, nên cháu P tạm thời vợ chồng ông nuôi dưỡng, chờ T về vợ chồng ông sẽ giao lại cho T, không yêu cầu chị N cấp dưỡng.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N phát biểu:* Tại phiên tòa hôm nay anh T đồng ý ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của chị N với anh T là phù hợp với Điều 55 Luật HNGĐ. Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi 02 cháu, không yêu cầu cấp dưỡng. Anh T yêu cầu được nuôi cháu P, giao cháu Y cho chị N nuôi. Qua xem xét nguyện vọng của cháu Y là muốn được sống với mẹ, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Y. Còn cháu P hiện do ông bà nội nuôi, còn anh T hiện đang chấp hành án, nên giao cháu P cho chị N nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật HNGĐ. Vì tình thương yêu của ông, bà không bằng tình thương yêu của người mẹ và chị N buôn bán có thu nhập, nên có điều kiện nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không giải quyết.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của chị N và anh T; về con chung: Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục 02 con. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân:* Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và

bảo vệ. Nay chị N xin được ly hôn với anh T, nguyên nhân do anh T thường xuyên hút chích ma túy, không chăm lo cho gia đình, chị đã nhiều lần khuyên anh T đi cai nghiện nhưng anh T không nghe. Năm 2014 anh T bị đưa đi cai nghiện, sau đó được về nhà nhưng vợ chồng không ở lại vì đầu năm 2015 chị bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 4-2017 mãn án trở về. Năm 2016 thì anh T lại tái nghiện và bị đưa đi lần hai. Thời gian cai nghiện thì anh T gây án, nên bị Tòa án nhân dân huyện TC xử phạt 04 năm tù, nên anh T đang chấp hành án tại Trại giam CC tỉnh TN. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2014. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh T. Anh T thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN, nhưng thời gian anh cai nghiện năm 2014 vợ có lên thăm và ngủ lại với anh, từ tháng 12-2014 đến nay thỉnh thoảng vợ có lên thăm nhưng không ngủ lại nữa, vợ chồng không còn quan hệ tình cảm từ tháng 12-2014. Tại tòa anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Xét thấy, mặc dù anh chị không có mâu thuẫn trầm trọng, nhưng anh chị đã không còn quan hệ tình cảm từ cuối năm 2014. Đầu năm 2015 chị N bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến tháng 4-2017 chị mãn án trở về. Tháng 10-2016 anh T tiếp tục sử dụng ma túy bị bắt, nên bị đưa đi cai nghiện lần hai, thời gian cai nghiện vào tháng 01-2017 anh gây rối trật tự trong trại nên bị Tòa án huyện TC xử phạt 04 năm tù, hiện anh đang chấp hành án tại trại giam CC, tỉnh TN. Chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại tòa anh chị tự nguyện ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc thuận tình ly hôn của chị N và anh T là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh T và chị N có 02 người con chung là cháu Trần Thanh Kim Y, sinh ngày 27-6-2010 và Trần Thanh P, sinh ngày 17-10-2013, hiện chị N đang nuôi cháu Y, còn cháu P đang sống với ông bà nội là ông Ph, bà S. Nay chị N có yêu cầu được nuôi dưỡng, giáo dục hai con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, giao vợ nuôi cháu Y.

Xét thấy, cháu Y đã trên 07 tuổi, cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, còn cháu P đã trên 04 tuổi, hiện đang sống với ông bà nội là ông Ph bà S. Mặc dù cả hai anh chị đều có yêu cầu được nuôi con và cháu P đang sống với ông bà nội. Tuy nhiên anh T đang chấp hành án, nên không có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con. Còn chị N mặc dù đi buôn bán xa, nhưng con chị do bà ngoại chăm sóc, chị N thường xuyên về nhà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ và cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, nên Hội đồng xét xử cần giao hai cháu Kim Y và Thanh P cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét lời trình bày của bà S và ông Ph thấy rằng: Mặc dù ông bà nuôi cháu P từ nhỏ, rất yêu thương cháu, có điều kiện chăm sóc cháu tốt. Tuy nhiên, do anh T là cha, đang chấp hành án, nên không có điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục con chung. Vì sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chỉ có vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con. Do đó yêu cầu của ông bà không có căn cứ để xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của Luật sư là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Kim N và anh Trần Thanh T Chị N và anh T được thuận tình ly hôn.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Trần Thanh Kim Y, sinh ngày 27-6-2010 và Trần Thanh P, sinh ngày 17-10-2013. Hiện chị N đang nuôi cháu Y, còn cháu P đang sống với ông Ph, bà S, nên ông Ph, bà S và anh T có trách nhiệm giao cháu P cho chị N Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số 0012514 ngày 03-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Chị N nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng ông Ph vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị An**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁM- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ninh

Nguyễn Tuyên

Nguyễn Thị An





